

Cần Thơ, ngày 27 tháng 6 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Về việc Mua bảo hiểm cháy nổ tài sản nhà, trang thiết bị
tại Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ năm 2025

Kính gửi: Quý công ty

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Kế hoạch số 355/KH-HCQT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của phòng Hành chính quản trị về việc mua bảo hiểm cháy nổ tài sản nhà, trang thiết bị tại Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ năm 2025.

Bệnh viện kính mời Quý công ty có đủ năng lực và kinh nghiệm quan tâm đến nội dung chào giá xin vui lòng gửi báo giá đến bệnh viện theo thông tin sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phụ sản Thành phố Cần Thơ
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Hành chính Quản trị, Số điện thoại: 0292.6518125.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ số 106 CMT8, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
- Nội dung ghi ngoài bì thư báo giá: **Gói thầu Mua bảo hiểm cháy nổ tài sản nhà, trang thiết bị tại Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ năm 2025.**
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày 27 tháng 6... năm 2025 đến trước 07h00 ngày 02 tháng 7... năm 2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày 02 tháng 7... năm 2025.

II. Nội dung

Người được bảo hiểm:	Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ
Địa chỉ	106 CMT8, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ
Ngành nghề kinh doanh	Bệnh viện
Thời hạn bảo hiểm	12 tháng
Địa điểm bảo hiểm	Bệnh Viện Phụ Sản TP Cần Thơ -106 CMT8, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ
Rủi ro được bảo hiểm	Cháy (A), Nổ (B), Giông và bão (G)
Quy tắc bảo hiểm:	
Đối tượng được bảo hiểm	Tòa nhà, máy móc thiết bị
Giá trị tài sản	52.686.807.099 VND
Số tiền bảo hiểm	52.686.807.099 VND
Tỷ lệ phí áp dụng	% (bao gồm VAT)
Tổng Phí Bảo Hiểm	 đồng (bằng chữ:)
Mức khấu trừ	 VND/vụ tổn thất

**Ghi chú: Giá đã bao gồm thuế và các chi phí liên quan.*

III. Các tài liệu kèm theo báo giá gồm:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, hoặc tương đương.
- Cung cấp hợp đồng mua bán tương tự.

(Đính kèm:

+ Danh sách Trang thiết bị mua bảo hiểm cháy nổ tại Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ năm 2025 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ.

+ Danh sách Tài sản nhà mua bảo hiểm cháy nổ tại Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ năm 2025 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ)

Bệnh viện Phụ sản mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của Quý công ty. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Hồ sơ: Phòng TCKT,
Phòng HCQT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thụy Thúy Ái



Handwritten signature at the bottom right corner.



DANH SÁCH TÀI SẢN NHÀ MUA BẢO HIỂM CHÁY NÓ TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN CẦN THƠ NĂM 2025

Stt	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Loại nhà	Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)	Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại (đ)
1	Khu A, bao gồm : - Tầng trệt: Khoa Cấp cứu; Khu Điều trị TYC A; Một phần Khoa CDHA (X quang) - Lầu 1: Khoa Phẫu thuật GMHS-TC-CD; Kho Dược ; một phần Khoa Phụ; Khoa Hỗ trợ sinh sản; Kho chứng từ Kế toán. - Lầu 2: Phòng QLCL; 03 Phòng PGĐ; Phòng KHTH; Tổ tin học; Phòng HCQT; P.NCKH; Phòng ĐD; Hội trường A&B ; Phòng GD; P.TCCB; P.TCKT; Kho HSBA.	Cấp II	01/01/1998	5.413,00	3.034.917.000	1.396.061.820
2	Khu C, bao gồm : - Tầng trệt: Khoa Sanh; Khoa Hậu sản; Kho Oxy; Khoa KSNK; Phòng VTTTB; Bếp ăn từ thiện; Khu Điều trị TYC C; Tổ tài xế - Lầu 1: Một phần Khoa Phẫu thuật GMHS-TC-CD; Khoa Sản bệnh; Một phần Khoa Phụ. - Lầu 2: Khoa Nhi - Sơ sinh; Khoa Hậu phẫu.	Cấp II	01/01/2002	6.176,88	12.158.538.000	6.565.610.520
3	Khu khám bệnh khối A, bao gồm : - Một phần Khoa Khám bệnh; Khoa dược	Cấp IV	01/01/2011	428,00	719.945.000	47.996.333
4	Khu khám bệnh khối B, bao gồm : - Phòng thu viện phí; Nhà thuốc; Phòng CTXH; một phần Khoa Khám bệnh; Phòng đo thính lực (TTSL); Phòng lấy mẫu (Khoa XN).	Cấp IV	01/01/2016	308,00	1.123.639.000	449.455.600
5	Khoa dinh dưỡng - tiết chế	Cấp III	01/01/2017	241,69	840.851.928	571.779.311
6	Nhà quản lý chất thải lỏng y tế	Cấp IV	19/1/2018	234,30	10.022.790.800	5.345.488.427
7	Trung tâm sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh	Cấp III	30/9/2018	1.750,00	9.743.069.499	7.404.732.819
8	Nhà xe viên chức	Cấp III	16/11/2018	410,00	906.641.993	689.047.915
9	Kho chứng từ kế toán (TCKT chứa hồ sơ, gần máy phát điện)	Cấp IV	28/03/2018	37,45	97.948.000	52.238.933
10	Khu điều trị TYC B2 (khu B)	Cấp III	01/01/2017	640,00	4.216.240.000	2.867.043.200
11	Đầu tư mở rộng khu khám và ĐTTYC (KKB)	Cấp IV	15/07/2019	435,25	1.965.363.000	1.310.242.000

Stt	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Loại nhà	Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)	Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại (đ)
12	Cải tạo, sửa chữa khoa Hỗ trợ sinh sản	Cấp III	22/04/2025	180,20	1.027.187.908	1.027.187.908
	Tổng cộng					27.726.884.786

Lập biểu



Trần Thị Huỳnh Tiên

Phòng HCQT



Nguyễn Thanh Nhã

Phòng TCKT



Nguyễn Văn Khuôn

Ngày 17 tháng 6 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Thùy Thúy Ái



DANH SÁCH TRANG THIẾT BỊ MUA BẢO HIỂM CHÁY NỔ TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN CẦN THƠ NĂM 2025

Stt	Tên tài sản	Mã tài sản (Trên phần mềm quản lý tài sản nhà nước)	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại (đ)
1	Máy giải trình tự gen; Model: 3500	T05012099-40215-177	15/12/2014	1	3.394.000.000	0
2	Hệ thống phẫu thuật nội soi phụ khoa	T05012099-40215-77	17/03/2015	1	2.565.150.000	0
3	Hệ thống máy siêu âm 4D; Model: Voluson E6	T05012099-40215-53	19/10/2015	1	4.037.500.000	168.229.167
4	Máy siêu âm Doppler màu; Model: HD7XE	T05012099-40215-45	14/01/2015	1	942.000.000	361.100.000
5	Tủ cấy Tri-gas để bàn; Model: G185	T05012099-815-446	28/09/2016	1	1.040.000.000	138.666.667
6	Máy siêu âm Doppler màu; Model: Voluson P6	T05012099-815-444	28/09/2016	1	758.000.000	101.066.667
7	Máy giúp thở; Model: 840	T05012099-815-442	28/09/2016	1	900.000.000	120.000.000
8	Máy Real Time PCR	T05012099-815-469	27/12/2016	1	1.495.000.000	236.708.333
9	Máy giúp thở sơ sinh	T05012099-818-344	02/04/2017	1	598.000.000	109.633.333
10	Hệ thống tiệt trùng bằng plasma	T05012099-818-340	02/04/2017	1	1.957.500.000	358.875.000
11	Hệ thống X-Quang chụp nhũ ảnh (có máy ép ngực)	T05012099-818-342	02/04/2017	1	1.685.000.000	308.916.667
12	Máy siêu âm màu 4D, Model Voluson E8	T05012099-818-341	02/04/2017	1	4.488.000.000	822.800.000
13	Hệ thống kỹ thuật số (thường quy và nhũ ảnh)	T05012099-818-343	02/04/2017	1	1.448.000.000	265.466.667
14	Máy giúp thở sơ sinh	T05012099-818-345	02/04/2017	1	598.000.000	109.633.333
15	Máy sấy công nghiệp	T05012099-818-334	02/04/2017	1	578.000.000	105.966.667
16	Hệ thống khí nén	T05012099-818-339	02/04/2017	1	749.000.000	137.316.667
17	Máy siêu âm Doppler màu	T05012099-815-308	14/06/2017	1	1.319.600.000	263.920.000
18	Máy thở	T05012099-815-309	14/06/2017	1	826.500.000	165.300.000
19	Máy gây mê giúp thở dùng cho trẻ sơ sinh, trẻ em, người lớn GE Healthcare, model Carestation 620(inv13763-10/05/18-1)	T05012099-60303-618	10/05/2018	1	973.650.000	283.981.250



Stt	Tên tài sản	Mã tài sản (Trên phần mềm quản lý tài sản nhà nước)	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại (đ)
20	Máy cắt đốt điện có hàn mạch máu (dao mổ điện toàn thân) KLS Martin, model maXium (inv13763-10/05/18-2)	T05012099-60303-619	10/05/2018	1	1.498.500.000	437.062.500
21	Hệ thống làm lạnh toàn thân MTRE, model Criticool Pro (inv13763-10/05/18-3)	T05012099-60303-620	10/05/2018	1	1.857.000.000	541.625.000
22	Máy siêu âm 2D màu Alpinion, model Ecube 7 (inv13763-10/05/18-4)	T05012099-60303-621	10/05/2018	1	554.500.000	161.729.167
23	Máy siêu âm màu chuyên tim vivid s70n	T05012099-60301-521	28/08/2018	1	3.370.000.000	1.095.250.000
24	Máy đọc Luminex 200	T05012099-60301-572	21/12/2018	1	3.425.000.000	1.227.291.667
25	Máy siêu âm màu 4D model Voluson S6	T05012099-60301-581	24/12/2018	1	2.514.000.000	900.850.000
26	Hệ thống sắc ký lỏng khối phổ phân tích các rối loạn chuyển hóa acid amin, acid béo, acid hữu cơ ở trẻ sơ sinh (inv394-4/3/19)	T05012099-60301-627	04/03/2019	1	6.575.429.500	2.465.786.063
27	Thiết bị Server SAN (HĐ 1111-31/10/2019/TG233-16/12/2019)	T05012099-6020214-761	16/12/2019	1	580.800.000	0
28	Máy phân tích chỉ số cơ thể, model : InbodyS10 (HĐ 31-12/11/2019/TG211-09/12/2019)	T05012099-60301-760	12/11/2019	1	724.900.000	320.164.167
29	Máy siêu âm màu 3D,4D Voluson S6 (HĐ 1316 ngày 01/06/2020)	T05012099-60301-853	01/06/2020	1	2.416.000.000	1.208.000.000
30	Máy siêu âm doppler Voluson P6 (HĐ 1316 ngày 01/06/2020)	T05012099-60301-852	01/06/2020	1	1.228.000.000	614.000.000
31	Máy gây mê kèm thở Model Carestation 620 (HĐ 1375 ngày 24/07/2020)/ Vay	T05012099-60301-886	24/07/2020	1	1.296.000.000	669.600.000
32	Bàn mổ đa năng điện-thủy lực Model EL-OT500 (HĐ 1375 ngày 24/07/2020)/ Vay	T05012099-60301-888	24/07/2020	1	553.000.000	285.716.667
33	Bàn mổ đa năng điện-thủy lực Model EL-OT500 (HĐ 1375 ngày 24/07/2020)/ Vay	T05012099-60301-887	24/07/2020	1	553.000.000	285.716.667

Stt	Tên tài sản	Mã tài sản (Trên phần mềm quản lý tài sản nhà nước)	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại (đ)
47	Máy theo dõi bệnh nhân (có tích hợp đo độ mê), Model: MM15, SN: 269996-M25202570001 (HD 392 ngày 12/6/2025)	T05012099-60339-1201	12/06/2025	1	520.000.000	520.000.000
	Tổng cộng					24.959.922.313

Lập biểu



Trần Thị Huỳnh Tiên

Phòng VT-TBYT



Huỳnh Tấn Phát

Phòng TCKT



Nguyễn Văn Khuôn

Ngày 17 tháng 6 năm 2025

Giám đốc *ey*



Nguyễn Thụy Thúy Ái



Stt	Tên tài sản	Mã tài sản (Trên phần mềm quản lý tài sản nhà nước)	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Nguyên giá (đ)	Giá trị còn lại (đ)
34	Đèn mô treo trần công nghệ led (2 nhánh) Model ice Led i30 (HĐ 1375 ngày 24/07/2020)/ Vay	T05012099-60301-889	24/07/2020	1	1.361.000.000	703.183.333
35	Máy monitor theo dõi bệnh nhân các loại model FX 3000MD (HĐ 1375 ngày 24/07/2020)/ Vay	T05012099-60301-890	24/07/2020	1	727.000.000	375.616.667
36	Máy monitor theo dõi bệnh nhân các loại model FX 3000MD (HĐ 1375 ngày 24/07/2020)/ Vay	T05012099-60301-891	24/07/2020	1	727.000.000	375.616.667
37	Hệ thống Pandant treo trần cao cấp cho HSCC Model IDP301Air (HĐ 1376 ngày 24/07/2020)/ Vay	T05012099-60301-892	24/07/2020	1	578.000.000	298.633.333
38	Máy hấp tiệt khuẩn (1 cửa 570 lít) Model: Azteca A-6612	T05012099-60301-760	13/05/2021	1	2.490.000.000	1.473.250.000
39	Máy giặt vắt các loại Model: RX520	T05012099-60301-627	13/05/2021	1	645.000.000	381.625.000
40	Máy giặt vắt các loại Model: RX520	T05012099-6020214- 761	13/05/2021	1	645.000.000	381.625.000
41	Máy thờ xâm lấn, Model: SV300 PRO, SN: AU3-52001058 (HĐ 392 ngày 12/6/2025)	T05012099-60339- 1203	12/06/2025	1	1.020.000.000	1.020.000.000
42	Hệ thống niệu động học, Model: UROMIC JIVE, SN: 02480353 (HĐ 392 ngày 12/6/2025)	T05012099-60339- 1205	12/06/2025	1	1.100.000.000	1.100.000.000
43	Bàn mổ, Model: SU-14, SN: SU14-00299 (HĐ 392 ngày 12/6/2025)	T05012099-60339- 1192	12/06/2025	1	620.000.000	620.000.000
44	Bàn mổ, Model: SU-14, SN: SU14-00300 (HĐ 392 ngày 12/6/2025)	T05012099-60339- 1193	12/06/2025	1	620.000.000	620.000.000
45	Máy gây mê kèm thờ, Model: Flow-c, SN: 6196 (HĐ 392 ngày 12/6/2025)	T05012099-60339- 1194	12/06/2025	1	1.640.000.000	1.640.000.000
46	Đèn mô treo trần, Model: NOVA.light 700T/700T, SN: 934484-010,933326-040 (HĐ 392 ngày 12/6/2025)	T05012099-60339- 1195	12/06/2025	1	1.180.000.000	1.180.000.000